

ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC (1992-2010) Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP HCM: QUÁ TRÌNH VÀ NHỮNG SUY NGHĨ ĐỊNH HƯỚNG CHO TƯƠNG LAI

*TS Nguyễn Xuân Nghĩa **

Tóm tắt: Bài viết nêu lên quá trình đào tạo và nghiên cứu của ngành xã hội học tại trường Đại học Mở TPHCM từ năm thành lập 1992 đến nay, với các thành tựu trên các mặt đào tạo, nghiên cứu, in ấn tài liệu học tập. Đồng thời cũng cho thấy một số đặc điểm về tính liên ngành - đặc biệt với khoa học về giới, công tác xã hội và các khoa học xã hội ứng dụng khác - và tính thực hành của ngành này tại trường ĐHM-TPHCM. Phần thứ hai của bài viết dùng lối tiếp cận hệ thống (môi trường hệ thống, đầu vào, quá trình đào tạo, đầu ra) để trình bày, nêu lên một số suy nghĩ định hướng về các yếu tố xuất hiện trong thời gian gần đây ảnh hưởng đến việc đào tạo xã hội học.

Sau mười một năm kể từ ngày thành lập, tháng 8-2003, Khoa Phụ nữ học đổi tên thành Khoa Xã hội học. Năm 2004 Khoa được phép đào tạo ngành Công tác xã hội. Tháng 3-2010, Khoa Xã hội học đổi tên thành Khoa Xã hội học và Công tác xã hội. Việc đổi tên như trên nhằm phù hợp với các ngành đang được đào tạo tại Khoa, nhưng đồng thời cũng cho thấy ngành xã hội học ở trường Đại học Mở TPHCM có những đặc thù nhất định và trong một thời gian dài những vấn đề của ngành cũng chính là vấn đề của khoa.

1. Quá trình đào tạo và nghiên cứu:

Khoa Xã Hội Học và Công tác xã hội hiện nay, tiền thân của nó là khoa Phụ Nữ Học, được thành lập tại đại học Mở - Bán công TPHCM từ năm 1992, là khoa đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo chính thức thừa nhận cấp bằng cử nhân khoa học ngành xã hội học¹, với việc triển khai một số môn học về giới lần đầu tiên được giảng dạy trong chương trình đại học ở Việt Nam (Thái Thị Ngọc Dur, 2005). Năm 2004, Khoa được bộ cho phép đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội, nhưng trong thực tế các môn học của ngành Công tác xã hội đã được triển khai từ khi được thành lập.

Niên khoá 2006-07, ngành xã hội học sửa đổi chương trình cho phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và năm 2009-2010 một lần nữa sửa đổi theo hệ thống tín chỉ. Theo chương trình mới, ngoài xã hội học là ngành chính (major), còn có bốn hướng chuyên sâu: (i) Giới và Phát triển, (ii) Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng, (iii) Xã hội học Tổ chức và quản lý nhân sự và (iv) Xã hội học tổng quát. Đây cũng là khoa Xã hội học đầu tiên của thành phố mạnh dạn tổ chức các chuyên ngành và hướng chuyên sâu.

Đến nay khoa đã tổ chức 19 khoá đào

* Phụ trách ngành Xã hội học, Khoa XHH & CTXH, Trường ĐHM TP. HCM.

¹ Từ 8-2003, Khoa Phụ Nữ học được đổi tên thành khoa Xã hội học. Tại TPHCM, ngoài ĐHMBC -TPHCM, còn có Khoa Xã hội học tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập năm 1997, Ngành Xã Hội Học trong Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại Học Tôn Đức Thắng: 1997; Khoa Xã Hội học Đại học Văn Hiến: 1999.

tao theo chương trình cử nhân với hơn 2800 sinh viên theo học trong đó có 14 khoá đã tốt nghiệp với trên 1100 sinh viên (chiếm tỷ lệ khoảng 45% so với đầu vào (một số sinh viên không tốt nghiệp đúng khoá vì còn nợ học phần), góp phần vào việc đào tạo nhân lực cho lãnh vực phát triển xã hội. Từ 2003 đến nay khoa tích cực tham gia đào tạo hệ từ xa và vừa làm vừa học của nhà trường với hơn 2000 sinh viên ngành xã hội học và công tác xã hội. Hơn 30 sinh viên đã và đang theo học tiến sĩ và cao học ở nước ngoài, 10 sinh viên theo học chương trình cao học xã hội học trong nước, trong đó một số tốt nghiệp đã trở về làm việc trong các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế².

Mặc dù là khoa có số lượng sinh viên ít nhất của Đại học Mở, đến nay khoa có 8 giảng viên cơ hữu và nhân viên (với các nguồn gốc đào tạo rất đa dạng: Mỹ, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Nhật, Thái Lan, Việt Nam...), 40 giảng viên mời giảng, 20 kiểm huấn viên và khoảng 40 cơ sở, chương trình tham gia thực tập công tác xã hội của sinh viên.

Được thành lập ngay sau những năm đất nước đi vào con đường đổi mới, những người có trách nhiệm thiết kế chương trình đào tạo cử nhân xã hội học tại khoa Xã hội học đã dự báo những vấn đề xã hội sẽ nảy sinh do cơ chế kinh tế thị trường, do đó đã xác định mục tiêu của chương trình đào tạo là cung cấp cho xã hội những con người sẽ hoạt động trong lãnh vực phát triển xã hội, được trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ để tìm hiểu, nghiên cứu và làm việc với những cộng đồng, những thành phần xã hội chịu nhiều sự thiệt thòi do sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, do sự vận hành của nền kinh tế thị trường. Cũng chính vì vậy mà chương trình có sự kết hợp

giữa xã hội học, công tác xã hội, khoa học về giới và của các khoa học xã hội ứng dụng khác.

Lối tiếp cận liên ngành như trên dựa trên quan điểm cơ bản: hiện tượng xã hội mang tính toàn diện (M. Mauss), có nhiều chiều kích, do đó phải được lãnh hội, lý giải và giải quyết trên nhiều khía cạnh. Lối tiếp cận này tỏ ra thích hợp trong bối cảnh xã hội của thời đại bùng nổ thông tin với nhiều biến đổi nhanh chóng, đòi hỏi những kiến thức liên ngành và khả năng thích ứng.

Cũng do những điều kiện đặc thù - thế mạnh về nhân sự, sự hợp tác quốc tế..., chương trình đào tạo cử nhân xã hội học tại khoa có mối quan hệ đặc biệt khảm khít với khoa học về giới và công tác xã hội: trong các môn của phần giáo dục chuyên sâu, tỷ lệ các môn khoa học về giới chiếm khoảng 13% tổng số các đơn vị học trình, công tác xã hội 28%; tâm lý học: 6%, quản trị học 6%... Nhưng đồng thời chương trình đào tạo vẫn bám sát phương châm mà ngành giáo dục đại học đã đề ra là đào tạo theo diện rộng có chuyên môn hoá hợp lý, do đó các môn thuộc lãnh vực xã hội học chiếm khoảng 43% tổng số các đơn vị học trình phần giáo dục chuyên nghiệp.

Một đặc điểm lớn trong chương trình đào tạo tại khoa là tính thực hành và ứng dụng. Đặc điểm này nằm trong phương hướng của Đại học Mở là đào tạo ra những cử nhân, kỹ sư thực hành. Sinh viên theo ngành xã hội học không những phải nắm vững những lý thuyết, phương pháp, kỹ năng điều tra xã hội học mà còn phải nắm vững một số kỹ năng của ngành công tác xã hội (kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm, kỹ năng phát triển

² Nhiều sinh viên đã tốt nghiệp, trong đó có 4 sinh viên đã được học vị tiến sĩ.

cộng đồng...), của tâm lý học (kỹ năng tham vấn), của phụ nữ học (phân tích giới...), của phát triển học (quản lý dự án...). Thời gian thực tập và các môn về phương pháp nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng chiếm 20 tín chỉ.

Trong từng môn học chuyên ngành, ngoài những phần lý thuyết, sinh viên còn được trang bị những kiến thức cụ thể của tình hình xã hội Việt Nam có liên quan cũng như những phương pháp nghiên cứu cụ thể đã từng được sử dụng trong lãnh vực. Khoa đặc biệt quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp chủ động, có sự tham gia của sinh viên. Năm 1997, một điều tra nhỏ về phương pháp giảng dạy của các giảng viên trong khoa cho thấy: bên cạnh việc 100% giảng viên đều dùng phương pháp thuyết giảng, còn có 67,7% giảng viên cho sinh viên thuyết trình trong lớp, 64,5% có áp dụng phương pháp thảo luận nhóm, 41,9% có áp dụng các phương pháp động não (brainstorming); 41,9% áp dụng trò chơi, đóng vai (role playing), kịch xã hội; 38,7% sử dụng các phương tiện nghe nhìn... (Radda Barnen & Women Studies department, 1997, 20-21). Hiện nay, đa phần các giảng viên cơ hữu của khoa đều sử dụng các phương tiện nghe- nhìn trong giảng dạy. Một số giảng viên sử dụng trang web của nhà trường và thiết kế riêng để phục vụ việc giảng dạy. Trong một cuộc hội thảo khoa học của ngành xã hội học ở thành phố, một báo cáo đã nhận xét khoa Xã hội học, Đại học mở là nơi áp dụng các phương pháp chủ động nhiều hơn so với các cơ sở đào tạo khác (Đỗ Văn Bình, 2003).

Tính ứng dụng của chương trình còn thể hiện trong việc kết hợp giữa công tác đào

tạo, biên soạn tài liệu giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Về mặt tổ chức, bên cạnh tổ chức các bộ môn ở khoa, từ năm 1998, Trung tâm thực hành công tác xã hội đã được hình thành và đến năm 2005 Trung tâm được củng cố và đi vào hoạt động với chương trình Khuyết tật và Phát triển và một số dự án hợp tác với các địa phương.

Lực lượng giảng viên cơ hữu của khoa không đông, nhưng bên cạnh công tác giảng dạy còn phải tham gia biên soạn giáo trình, dịch các tài liệu tham khảo, hướng dẫn thực tập và nghiên cứu. Không kể đến những nghiên cứu của các giảng viên được đăng trên các tạp chí và sách chuyên ngành, đến nay khoa đã cho in và công bố hơn 60 tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo và các công trình nghiên cứu (có lưu trữ tại văn phòng Khoa).

Là một trong những khoa đầu tiên tại thành phố Hồ Chí Minh có hệ đào tạo cử nhân xã hội học, công tác xã hội theo chương trình bốn năm, khoa đã mạnh dạn có chương trình biên soạn các tài liệu giảng dạy có liên quan đến lãnh vực nêu trên. Một số tài liệu giảng dạy, tập bài giảng đã được in ấn, tạo điều kiện cho sinh viên có tài liệu tham khảo trong bối cảnh các tài liệu tham khảo về xã hội học rất thiếu vào thời điểm những năm 1992-93³. Nhà nghiên cứu xã hội học Nguyễn Quang Vinh đã nhận định, trong một cuộc hội thảo năm 2001: *“Có thể nhắc đến hai cơ sở đã và đang làm khá tốt công tác thông tin xã hội học, phục vụ nghiên cứu và đào tạo, đó là Viện Xã hội học ở Hà Nội và Khoa Phụ nữ học, Đại học mở bán công TPHCM”* (Nguyễn Quang Vinh, 2001, 114).

³ Ngay từ những năm 1993 khoa đã cho in ấn các tài liệu giảng dạy - mặc dù còn nhiều thiếu sót, nhưng được dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên - trong hoàn cảnh hầu như rất ít tài liệu giáo khoa về xã hội học, phụ nữ học và công tác xã hội bằng tiếng Việt. Có thể kể ra một số như: *Xã hội học nhập môn* (1993) của Trần Hữu Quang; *Xã Hội học: Khái niệm, Khuyh hướng, Vấn đề* (1994), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội* (1995) của Nguyễn Xuân Nghĩa; *Phát triển cộng đồng, Công tác xã hội đại cương, Gia đình nhìn từ góc độ xã hội* của Nguyễn Thị Oanh; *Phụ nữ Học Nhập môn* của Thái Thị Ngọc Dư, *Xã hội học về truyền thông đại chúng* của Trần Hữu Quang; *Khoa học giao tiếp, Quản lý dự án* của Nguyễn Ngọc Lâm...

Về công tác nghiên cứu, ý thức được rằng đất nước chúng ta đang ở giai đoạn chuyển tiếp của thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá, một số thành phần xã hội sẽ gặp khó khăn trong giai đoạn chuyển đổi này, do đó Khoa đặt trọng tâm nghiên cứu về trẻ em, phụ nữ và một số vấn đề về phát triển cộng đồng. Khoa đã thực hiện những đề tài nghiên cứu về trẻ em lao động, trẻ em hồi hương, việc lạm dụng tình dục trong gia đình đối với trẻ em, tình hình học tập của trẻ em ở nông thôn, việc hội nhập trẻ em làm trái pháp luật, thanh thiếu niên nghiện ma tuý, công tác xã hội học đường trong trường học cấp 1 và 2⁴ ... Các nghiên cứu liên quan đến phụ nữ: tình hình nạo phá thai ở tuổi vị thành niên⁵, bạo hành trong gia đình, các vấn đề của gia đình Việt Nam đương đại, phụ nữ nông thôn và chuyển giao công nghệ, phụ nữ và nhà ở, phụ nữ trí thức trong chuyển đổi kinh tế, nữ công nhân nhập cư, giới trong cộng đồng, quá trình xã hội hoá về giới⁶... Các nghiên cứu liên quan đến cộng đồng như tìm hiểu các mối liên kết xã hội tại các cộng đồng đô thị và sự thay đổi của chúng⁷, vai trò của các đoàn thể xã hội trong việc phát triển cộng đồng, quy hoạch đô thị⁸.

Ngày nay, một số đề tài nghiên cứu về trẻ em, phụ nữ, phát triển cộng đồng khá phổ biến tại một số cơ quan nghiên cứu và tổ chức xã hội, nhưng những nghiên cứu của khoa Xã hội học vào những thời điểm được

tiến hành vẫn được xem là những nghiên cứu đầu tiên trong lãnh vực có liên quan⁹.

Các công trình nghiên cứu đã giúp cho một số giảng viên thâm nhập những dữ kiện cụ thể, bổ sung, minh hoạ cho những phân lý thuyết đôi khi khô khan của mình. Đồng thời cũng giúp kiểm nghiệm lại các lý thuyết, rút ra các bài học từ kinh nghiệm cụ thể của môi trường xã hội Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu – về trẻ em, về môi trường, về cộng đồng – được tiến hành để làm cơ sở cho các dự án phát triển ở địa phương, đồng thời là nơi thực tập của sinh viên, ngoài ra còn là nơi thu hút sinh viên làm việc sau khi tốt nghiệp¹⁰.

Các công trình nghiên cứu của khoa đều có sự tham gia của sinh viên. Mỗi công trình đều có từ 10 đến 20 sinh viên tham gia. Đây chính là cơ hội để sinh viên được học hỏi và áp dụng những kiến thức, phương pháp, kỹ năng đã được học từ lý thuyết. Từ những gợi ý của những công trình nghiên cứu nói trên, một số sinh viên thuộc loại khá, giỏi đã chọn cho mình những đề tài để làm luận văn tốt nghiệp. Nhiều luận văn của sinh viên ngoài việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học cổ điển, cũng đã áp dụng các phương pháp, các lối tiếp cận mới, như áp dụng phương pháp PRA (phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của đối tượng) để lượng giá các dự án ở cộng đồng, để nghiên

⁴ M. Loughry, Nguyen Xuan Nghia, *The Integration of unaccompanied returnee children (URC) in Thua Thien – Hue Province*, HCMC Open University, 1997; Nguyễn Xuân Nghĩa (cb), *Trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn*, ĐHM-BC, 1997, Nguyễn Xuân Nghĩa (cb), *Trẻ em bị lạm dụng tình dục*, ĐHM-BC TPHCM, 1998; Nguyễn Xuân Nghĩa (cb) *Trẻ em làm trái pháp luật và việc tái hội nhập vào cộng đồng*, ĐHM-BC, 1999; Nguyễn Thị Nhân (dịch), *Một số bài đọc về an sinh nhi đồng*, Khoa PNH, Ban Xuất bản Đại học Mở – Bán công, 1999. Lê Chí An (dịch), *500 bí quyết làm việc với trẻ có nhu cầu đặc biệt*, Khoa PNH, Ban Xuất bản Đại học Mở – Bán công, 2000. Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Nhân, *Lượng giá dự án công tác xã hội học đường tại quận 8 và quận 11 - TPHCM*, Khoa PNH, ĐHM-BC, 2000.

⁵ Phan Gia Tran, Le Tu Phuong Chi, Do Van Binh, *Adolescent sex education from parent side: a case study in HCMC*, WSD-HOU & Ford Foundation, 1999.

⁶ Thái Thị Ngọc Du, Nguyễn Xuân Nghĩa, *Female Migrant Workers*, WSD-HOU & British Council, 2000; Nguyễn Xuân Nghĩa, *Quá Trình xã hội hóa về giới ở trẻ em* (Tim hiểu ở vùng nội thành TPHCM), ĐHMBC, 2000.

⁷ Thái Thị Ngọc Du, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Gia Tran, *Contribution à l'étude sur les communautés urbaines de HCMC ville: éléments constitutants et dynamique sociale*, Université Ouverte de HCMV & ENDA, 1997

⁸ Nguyen Ngoc Lam, "The Role of Mass Organisations in Community Development in Viet Nam" in Building Partnerships for Better Development, Conference Proceedings, 1st International Outlook Conference on Community Development in Asia-Pacific, Sukhothai Thammathirat Open University, Bangkok, Thailand, september, 1998. Nguyễn Ngọc Lâm, Lê Thị Mỹ Hiền, *Dự án nâng cấp đô thị Cần Thơ*, 2006-07.

⁹ Xin lưu ý, năm xuất bản của các công trình nghiên cứu thường đi sau thời điểm nghiên cứu vài năm.

¹⁰ Như các dự án Tân Hoà – Lò Gò, dự án phường 15, Gò Vấp; dự án về công tác xã hội học đường quận 1 và 4; dự án về bạo hành phụ nữ ở phường Cỏ gang, quận 1...

cứu về trẻ em, áp dụng phương pháp phân tích nội dung (content analysis) để phân tích hình tượng phụ nữ trên quảng cáo, vấn đề giới trong sách giáo khoa cấp một, áp dụng lối tiếp cận văn hoá trong nghiên cứu nghèo đói...

Sinh viên của khoa chỉ mới tham gia chương trình nghiên cứu Euréka của Thành đoàn TP.HCM, từ năm 2004, nhưng đã có tám nghiên cứu được giải.

Đến nay, khoa đã có một tập hợp của hơn 130 luận văn tốt nghiệp, được nhiều cơ quan xã hội, giảng viên, sinh viên đến tham khảo.

Công tác đào tạo và nghiên cứu ngành xã hội học và công tác xã hội tại Đại học Mở TPHCM, trong những năm qua có một số kết quả là nhờ khoa có một số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu nhạy bén và có năng lực, có tinh thần đoàn kết, làm việc tập thể với sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Khoa còn biết kết hợp và được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức xã hội bên ngoài trường đại học tham gia vào công tác đào tạo và nghiên cứu. Kinh nghiệm làm việc với các tổ chức xã hội (cả trong nước và nước ngoài¹¹) đã giúp khoa nhanh nhạy nắm bắt những chủ đề nghiên cứu mới, cập nhật những kiến thức, phương pháp, kỹ năng và những nguồn tài nguyên mới.

Mặc dù chương trình đào tạo của ngành bước đầu đã đi vào các hướng chuyên sâu, nhưng trong tương lai, xã hội Việt Nam với có những biến đổi nhanh chóng, sẽ đòi hỏi những kiến thức chuyên sâu hơn nữa để giải quyết những vấn đề xã hội có tính khoa học, triệt để, cụ thể hơn.

Mặt khác, một chương trình đào tạo

mang tính liên ngành ngoài những thế mạnh của nó, đòi hỏi người học phải có bản lĩnh cao, có cái nhìn toàn diện nhưng đồng thời không được phép có cái nhìn hời hợt tổng quát và phân biệt được tính đặc thù, chuyên biệt của từng ngành học.

Tính ứng dụng, thực hành của chương trình đào tạo có lẽ thích hợp trong giai đoạn hiện nay – vừa qua, vào năm 2009, Trường ĐHM TPHCM có làm một cuộc khảo sát, hơn 75% sinh viên tốt nghiệp Khoa HH cho biết “có việc làm phù hợp” - nhưng trong dài hạn, để có những đóng góp sâu sắc, mang tính phê phán đúng nghĩa của xã hội học thì những kiến thức lý thuyết chuyên sâu là những điều kiện không thể thiếu trong chương trình đào tạo.

2. Một số yếu tố mới có liên quan đến đào tạo ngành xã hội học trong những năm gần đây: nhận xét và suy nghĩ định hướng.

Chúng tôi dùng mô hình hệ thống để trình bày phần này, do đó sẽ liên quan đến đầu vào của đào tạo (input), quá trình đào tạo (process) và đầu ra (output). Chúng tôi cũng quan niệm, việc đào tạo xã hội học ở một khoa chỉ là một tiểu hệ thống nằm trong một hệ thống lớn hơn - trong môi trường tổng thể của giáo dục và xã hội Việt Nam, và rộng hơn, trong bối cảnh đào tạo xã hội học của thế giới.

2.1 Môi trường của hệ thống:

Không chỉ ở Việt Nam chúng ta đang tranh luận nên đào tạo xã hội học theo hướng nào, mà đây cũng là vấn đề suy nghĩ và tranh luận trong giới xã hội học trên thế giới. Ví như: ”Sự khủng hoảng của xã hội học” (Boudon, 1971), “Cái gì đã xảy ra với xã hội

¹¹ Khoa có các dự án hợp tác với các tổ chức như Ford Foundation, Radda Barmen, SCF, Enda, World Vision, Danida, Canadian Fund, Terre des Hommes...

học?” (Berger, 2002) “Xã hội học để làm gì?” (Lahire, 2004). Nhìn chung có hai khuynh hướng, khác nhau do hiểu “xã hội học phải gắn với thực tiễn” như thế nào: P. Bourdieu một mặt đòi hỏi xã hội học phải gắn với thực tiễn, mặt khác theo ông nhà xã hội học khác biệt các “kỹ sư xã hội” (ingénieurs sociaux). Nhà xã hội học phải tuân theo chức năng khoa học của xã hội học, phải theo tinh thần phê phán triệt để, không là công cụ của bất cứ kẻ nào. Trong khi những “kỹ sư xã hội” làm việc theo đơn đặt hàng của những người sử dụng họ (Bourdieu, 1983, 105-107; 1984, 27). Thật ra, *“Thách đố lớn nhất đối với nhà xã hội học và với tất cả các nhà nghiên cứu nói chung là làm thế nào cân bằng được tính tự do học thuật và những điều kiện vật chất để nghiên cứu, giữ được tính độc lập tư tưởng trước những lợi ích vật chất mà hệ thống ban phát”* (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2009, 24).

Trong một cuộc thảo luận bàn tròn ở Pháp có chủ đề “Xã hội học để làm gì?” (Duran & Weil, 2002, 711-729), với sự tham gia của những người lãnh đạo các tổ chức, xí nghiệp (ví như cơ quan quảng cáo, truyền thông...), trong đó có sử dụng một số người đã tốt nghiệp xã hội học. Trong cuộc thảo luận này đã nêu lên một số tranh luận và đúc kết như sau: 1) phân loại những người đã tốt nghiệp xã hội học: a) những người hoạt động trong môi trường đại học (giảng dạy, nghiên cứu) và b) những người hoạt động ngoài môi trường đại học (tổ chức xã hội, cơ quan, xí nghiệp...); 2) văn hoá của những người làm xã hội học: a) thích và có khả năng nghiên cứu những vấn đề trên thực địa, b) là những người có thể đối thoại được, c) có kiến thức liên ngành: những người thành công nhất là

những người tốt nghiệp xã hội học + một hay vài ngành khác như kinh tế học, nhân học, tâm lý học, triết học...d) cho dù làm việc ở cấp độ vi mô, người được đào tạo xã hội học luôn đặt vấn đề trong bối cảnh rộng lớn hơn; 3) Cho dù là nhà xã hội học hay “kỹ sư xã hội”, cái đặc thù của những người làm xã hội học là ở phương pháp, là cách tiếp cận (démarche sociologique) những vấn đề xã hội. Lối tiếp cận này đòi hỏi nhà xã hội học nhìn hiện tượng xã hội không phải là cái đã có sẵn (donnée) mà là cái đang hình thành, trong quá trình. Do đó nhà xã hội học phải được trang bị một nền tảng lý thuyết vững chắc, các phương pháp, kỹ thuật để thu thập thông tin hòng lý giải các vấn đề đặt ra. Khi lý giải, nhà xã hội học phải phân tích kết cấu các quan hệ xã hội giữa các tác nhân, các tầng lớp, phân tích các thoả hiệp, xung đột, cái được mất và như vậy là phải đụng đến quyền lực đang thống trị. Chính vì vậy mà người ta e dè xã hội học. R. Sainselieu, một nhà xã hội học tổ chức nổi tiếng, khi làm tư vấn cho một cơ quan, đã nói: *“Các anh muốn duy trì bộ máy quan liêu. Mặc kệ các anh, điều đó không liên quan gì đến tôi. Các anh cứ duy trì, nhưng các anh sẽ chết vì nó. Cứ duy trì, nhưng đừng đòi hỏi tôi làm sao đồng thời có thể duy trì bộ máy quan liêu, vừa phát huy sáng kiến, sáng tạo.”* (Duran & Weil, 2002, 717).

Về lĩnh vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp xã hội học, một nghiên cứu của Hiệp hội Xã hội học Mỹ cho thấy, năm 2007, 60% tốt nghiệp cử nhân xã hội học có việc làm, 20% vừa đi làm, vừa học cao học. Những người đi làm có công việc trong những lĩnh vực sau (Spalter-Roth R. & Van Vooren N., 2008, 3):

Bảng: Lãnh vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp cử nhân xã hội học ở Mỹ

	Bán thời gian (dưới 35 giờ)	Toàn thời gian (trên 35 giờ)
- Dịch vụ xã hội, tư vấn, tham vấn tâm lý	17,5	26,5
- Hành chánh văn phòng (nhân viên)	12,5	15,8
- Quản lý (điều hành)	5,8	14,4
- Trường học, thư viện	18,3	8,1
- Dịch vụ khác	18,3	8,3
- Tiếp thị, bán hàng	10,8	10,1
- Khoa học xã hội, nghiên cứu	12,5	5,7
- Ngành nghề khác (PR, IT...)	1,7	6,8
- Khác	2,5	4,4
Tổng cộng:	100%	100%

Nguồn: Hiệp hội Xã hội học Mỹ, *Tôi có thể làm gì với bằng cử nhân xã hội học?* 2008.

Trong số những người cho rằng công việc của họ gắn gũi với điều đã học: 68% rất bằng lòng với công việc, 29% ít nhiều bằng lòng và 3,2% không bằng lòng. Với những người cho rằng công việc của họ ít nhiều có liên quan đến những điều đã học, các tỷ lệ trên tương ứng 53,6%, 42,3% và 4%. Với những người cho rằng công việc của họ không có liên quan đến những điều đã học, các tỷ lệ trên tương ứng: 36,4%, 50,3%, 13,4%. Những người đang theo học chương trình cao học có tỷ lệ cảm thấy thỏa mãn với chương trình học bậc cử nhân cao nhất: 65%; kể đến những người đang làm việc: 51%; còn những người không đi học cũng không có việc làm: 23,6%.

Một nghiên cứu khác của đại học Kent, Mỹ - cũng với chủ đề "*Tôi có thể làm gì với tấm bằng xã hội học*"- cho thấy sinh viên tốt nghiệp xã hội học có ba kỹ năng nổi bật trong hàng loạt kỹ năng khác, đó là: nghiên cứu, tư duy lô gích, rõ ràng và lượng giá phê phán (critical evaluation), ngoài ra còn

các kỹ năng khác như: tổ chức, hoạch định, thương lượng, giải quyết vấn đề, kỹ năng viết và nói, làm việc trong tình huống khẩn trương...(University of Kent, 2007).

Đây là những điểm đức kết quý báu, mà theo tôi, định hướng đào tạo xã hội học tại Việt nam cần quan tâm tham khảo. Đặc biệt, cần chú trọng đến đào tạo lý thuyết, phương pháp, lối tiếp cận xã hội học cũng như tính đa dạng, liên ngành trong thực hành xã hội học.

Trở lại với môi trường gắn gũi chúng ta. Cũng theo hướng của Khoa XHH, đại học Mở, chương trình một số Khoa xã hội học đã đi vào hướng chuyên ngành (hay chuyên sâu). Ví như khoa Xã hội học, đại học Văn Hiến dự định đào tạo thêm các chuyên ngành Xã hội học Kinh tế, Xã hội học truyền thông và báo chí và cao đẳng Công tác xã hội. Một số đại học ở Miền Bắc mở các chuyên ngành ở bậc cao học, như chương trình Xã hội học nông thôn được sự tài trợ của Vương quốc Bỉ, chương trình Thạc sĩ Quản lý xã

hội và nhân lực liên kết giữa khoa Xã hội học, trường ĐH KHXH & NV Hà nội với trường đại học Toulouse. Và gần đây ngành Xã hội học, khoa Xã hội học và Công tác xã hội, ĐH Mở TPHCM đang xúc tiến khả năng liên kết với trường đại học Toulouse mở chương trình thạc sĩ Quản lý các tổ chức (Master en Management des Organisations). Như vậy, xu hướng đa dạng và cạnh tranh càng ngày càng xuất hiện nhiều trong đào tạo xã hội học. Ngành xã hội học ở trường Đại học Mở đã nhanh nhạy trong việc đa dạng hoá chương trình học với bốn hướng chuyên sâu và các loại hình học tập khá phong phú.

2.2 Đầu vào:

Trong khoảng năm năm trở lại đây, có một sự thay đổi trong thành phần sinh viên chính qui theo học tại Khoa XHH- ĐH Mở: trên 50% sinh viên đến từ nông thôn các tỉnh miền Bắc với đặc điểm ít tiếp cận với tin học và ngoại ngữ ở bậc trung học phổ thông. Số lượng sinh viên lớn tuổi hình như không còn tồn tại như những năm đầu tiên khi thành lập Khoa. Và cũng có nhận xét, trong những năm qua, số điểm tuyển sinh của sinh viên vào các khoa xã hội học tăng lên, nhưng chất lượng đầu vào không thấy có chuyển biến. Nhận xét này liên quan đến chất lượng đào tạo ở bậc phổ thông. Ở đây chúng tôi chỉ đưa ra một đề nghị là phải có sự *hướng nghiệp ở bậc phổ thông*, bởi lẽ nhiều học sinh đăng ký vào học ngành xã hội học nhưng không biết mình sẽ được học những gì, ra trường có thể làm những gì.

Sinh viên theo học ngành xã hội học cần phải có tư duy lô gích và khả năng ngoại ngữ. Do đó, theo chúng tôi, bên cạnh việc tuyển vào những học sinh ban D, cần thay

đổi nội dung của ban C với việc nhấn mạnh khả năng ngoại ngữ. Cần có một ban C sửa đổi với các môn: Văn + Ngoại ngữ + Sử học hay Địa lý.

2.3 Quá trình đào tạo:

Quá trình này bao gồm chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên và hệ thống thông tin hỗ trợ.

Từ niên khoá 2008-09 ở một số trường đại học, và ở đại học Mở TPHCM từ niên khoá 2009-2010, đã triển khai chương trình giáo dục đại học theo hệ tín chỉ, với chương trình này, số lượng tín chỉ bậc cử nhân chỉ còn khoảng 130. Chế độ tín chỉ đòi hỏi các đại học phải có hệ thống giáo trình, tư liệu tham khảo tốt để sinh viên có thể đọc thêm, tự học.

Công tác viết giáo trình và cập nhật giáo trình ở Khoa XHH & CTXH ở đại học Mở TPHCM, do nhiều lý do, hình như dừng lại ở những năm 2005, ngoại trừ tài liệu học tập “Xã hội học lối sống” của Lâm Thị Ánh Quyên (2006). Phải kể đến những nỗ lực cá nhân và các tài liệu được in ấn từ bên ngoài, như “Xã hội học Mỹ” (NXB Trẻ, 2009) của Lê Minh Tiến, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” (dịch) (NXB Tri thức, 2009) của Lê Minh Tiến và Phạm Như Hồ. Qua một số bài trên các Tạp chí Xã hội học (3 bài), Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (10 bài), Tạp chí Khoa học xã hội (8 bài), Tạp chí Khoa học trường ĐHM TPHCM (11 bài), các giảng viên xã hội học trường ĐHM TPHCM đã có những đóng góp vào các XHH chuyên ngành – như XHH tôn giáo (Nguyễn Xuân Nghĩa), XHH giáo dục (Nguyễn Khánh Trung), XHH tổng quát, phương pháp XHH¹²... Về các sách tham khảo xã hội học, ngoại trừ một số sách

¹² Có thể xem các bài viết trên các tạp chí và các bài giới thiệu các cuốn sách trên, trên trang web: <http://groups.google.com.vn/group/xa-hoi-hoc>. Nhiều thành viên của trang web này là giảng viên xã hội học trường ĐHM TPHCM.

dịch của nhà xuất bản Tri thức, - như các cuốn “Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, “Xã hội học về tiền bạc”¹³... , một số sách dịch khác về xã hội học không phải do các người trong ngành đảm trách và bị chi phối bởi nhu cầu thương mại hoá nên việc dịch thuật rất cầu thả, thiếu tinh thần trách nhiệm.

Trong việc giảng dạy, một số giảng viên Khoa Xã hội học, ĐH Mở đã sử dụng trang web của nhà trường và của các cá nhân để đưa lên chương trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, diễn đàn trao đổi cho giảng viên và sinh viên¹⁴. Đây là biến chuyển đáng khuyến khích và nhân rộng. Tuy nhiên, nhìn chung, hệ thống tư liệu hỗ trợ việc học tập cho sinh viên mà chúng ta đã đề cập nhiều lần được cải thiện rất chậm chạp, cần phải có sự đầu tư lớn ở cấp trường.

Lực lượng giảng viên cơ hữu của Khoa hiện nay chỉ có 1 tiến sĩ, 6 thạc sĩ và phải đảm đương một khối công việc rất lớn. Sự thiếu hụt này đã được lên tiếng một cách mạnh mẽ trong một báo cáo cách đây 5 năm, nhưng hiện nay tình trạng vẫn chưa được cải thiện bao nhiêu (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2005). Để bù đắp sự thiếu hụt này bộ môn xã hội học đã mời gọi sự cộng tác của các cán bộ Viện Phát triển Bền vững vùng Nam bộ, một số giảng viên các trường bạn, cả sinh viên của Khoa đang theo học các chương trình cao học và các giảng viên đến tuổi hưu nhưng vẫn còn năng lực tốt.

2.4 Đầu ra:

Do tính đa dạng của xã hội học, sinh viên ra trường cũng có thể kiếm được việc làm. Nhưng số kiếm được việc làm đúng sở trường đào tạo và sở thích là không nhiều.

Mặt khác, cũng phải thấy rằng, tri thức và phương pháp xã hội học có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó cần phải có cái nhìn thoáng hơn, thực tế hơn về khái niệm “ngành nghề đúng đào tạo”.

Một số sinh viên tốt nghiệp cử nhân đã thi và theo học chương trình cao học xã hội học, công tác xã hội và phát triển giới ở nước ngoài cũng như trong nước. Chúng ta có thể thấy, trong những năm tới nhu cầu theo học chương trình cao học sẽ còn gia tăng. Ngành giáo dục đại học Việt nam nên có những qui định thoáng hơn: sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành này, nếu thi tuyển đỗ, có thể theo học cao học ở ngành khác. Đây cũng là thông lệ của nhiều trường đại học trên thế giới.

Ngành xã hội học đã tồn tại tại thành phố chúng ta trước và sau 1975 và cho đến hôm nay vẫn phát triển mạnh mẽ. Hôm nay chúng ta đặt lại, đánh giá vấn đề đào tạo và nghiên cứu xã hội học để có hướng đi thích hợp hơn trong tương lai, hợp xu thế của thời đại. Điều này không có gì bất bình thường, bởi lẽ các nước có truyền thống xã hội học và là chiếc nôi của ngành học này vẫn thường xuyên đặt lại vấn đề mà chúng ta đang nêu ra. Hơn thế nữa, phản tỉnh, phê phán vẫn luôn luôn là tính chất cơ bản của xã hội học./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Berger P. (2002), “*Whatever happened to sociology*”, trên http://www.first-things.com/article.php3?id_article=2075; tham khảo 20-12-2002.

[2] Boudon R. (1971), *La crise de sociologie – Questions d'épistémologie sociologique*, Genève, Droz.

[3] Bourdieu P. và tđk (1968, 1983),

¹³ *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, NXB Tri Thức, 2008, các dịch giả: Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghi, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang; *Xã hội học về tiền bạc*, NXB Tri Thức, 2009, Nguyễn Đôn Phước dịch.

¹⁴ Ví dụ, có thể xem phân danh cho Khoa Xã hội học trên: <http://elearning.ou.edu.vn>

Le métier de sociologue. Paris- La Haye, Éd. De Mouton

[4] Bourdieu P. (1984), *Questions de sociologie*. Paris, Minuit

[5] Duran J-P., Weil R. (2002), *Sociologie contemporaine*, 2^e éd., Paris : Vigot.

[6] Đỗ Văn Bình (2003), “Bàn về phương pháp giảng dạy chuyên ngành xã hội học”, Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng đào tạo nghiên cứu khoa học ngành xã hội học*, Trường KHXX&NV TPHCM, 14-15/11/2003.

[7] Lahire B. (2004), *A quoi sert la sociologie?*, Paris, La Découverte.

[8] Nguyễn Quang Vinh (2001), “Bảo đảm nguồn dưỡng khí dồi dào cho một cơ thể đang lớn mạnh” trong Hội thảo *Phát triển và nâng cao chất lượng thông tin – tư liệu về xã hội học phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo*, Trường KHXX&NVTPHCM, 2-2001.

[9] Nguyễn Xuân Nghĩa (2009). “Xã hội học: những đòi hỏi và thực tiễn”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 2.

[10] Nguyễn Xuân Nghĩa (2007), “Khoa Xã hội học : chặng đường 15 năm”, trong *Kỷ yếu Khoa Xã hội học – 15 năm một chặng đường phát triển*, Khoa XHH, ĐHMBC

TPHCM, 12-2007.

[11] Nguyễn Xuân Nghĩa (2005), “Nhận định và giải pháp nâng cao chất lượng”, trong *Hội thảo khoa học Biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo*, Khoa XHH, ĐHMBC TPHCM, 11-3-2005.

[12] Radda Barnen & Women Studies Department, HOU (1997), *Evaluation of social work training at the WSD –OU*, HCMC, 1997.

[13] Spalter-Roth R. & Van Vooren N. (2008), *What are they doing with a bachelor's degree in sociology*, ASA.

[14] Thái Thị Ngọc Dur (2005), “Đào tạo và nghiên cứu ở đại học trong lĩnh vực giới ở miền Nam Việt Nam” trong *Hội thảo Đào tạo và nghiên cứu ở đại học trong lĩnh vực giới*, AUF, TPHCM, 12-10-2005, (tiếng Pháp).

[15] University of Kent, (2007), “*What I can do with a degree...in Sociology*”, trên <http://www.kent.ac.uk/careers/Sociology.htm>. Tham khảo 12-12-2008.

[16] Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ (2008), Hội thảo « *Ngày Xã hội học Nam bộ, 2008* ».